THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG MẠNG LƯỚI CƠ SỞ THỰC HÀNH, THỰC TẬP NGÀNH GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Thị Quỳnh Hoa,
Đào Thị Thu Thủy, Vũ Thị Anh
Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội

***Tóm tắt**: Bài viết trình bày về vai trò, ý nghĩa và sự cần thiết của mạng lưới thực hành, thực tập trên cơ cơ sở đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp trong việc xây dựng mạng lưới cơ sở thực hành, thực tập nhằm nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên ngành Giáo dục Đặc biệt tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Bằng việc phân tích những thách thức hiện có như sự phối hợp chưa chặt chẽ giữa nhà trường và các cơ sở thực hành, cơ sở vật chất; sự hỗ trợ tài chính, hay năng lực hướng dẫn thực hành, thực tập của giáo viên tại cơ sở, bài báo đề xuất các giải pháp để cải thiện những khó khăn, thách thức đó.. Các giải pháp bao gồm mở rộng mạng lưới cơ sở thực hành, nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên hướng dẫn tại cơ sở, cải thiện cơ sở vật chất phục vụ thực hành, thực tập,.... Những biện pháp này hướng đến việc xây dựng một hệ thống cơ sở thực hành thực tập bền vững, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên ngành Giáo dục Đặc biệt của trường Đại học Thủ đô Hà Nội*

***Từ khóa**: Đào tạo sinh viên; Giải pháp cải thiện chất lượng; Giáo dục Đặc biệt; Mạng lưới cơ sở thực hành, thực tập; Trường Đại học Thủ đô Hà Nội*

Nhận bài ngày 10.11.2024; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 20.01.2025
Liên hệ tác giả: Nguyễn Thị Huyền; email: nthuyen2@daihocthudo.edu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong quá trình đào tạo giáo viên ngành sư phạm, việc lựa chọn các mô hình tổ chức thực hành môn học, thực tập thường xuyên cho sinh viên có ý nghĩa vô cùng quan trọng, bởi lẽ "học phải đi đôi với hành". Lựa chọn mô hình thực hành, thực tập phù hợp với đặc điểm ngành học sẽ giúp các em rèn luyện được kiến thức, kỹ năng, vận dụng các lý thuyết được học vào thực tiễn chăm sóc giáo dục trẻ khuyết tật. Thực hành trong các cơ sở giáo dục có trẻ em khuyết tật là môi trường thực tiễn để sinh viên được rèn luyện tay nghề, phát triển toàn diện năng lực của giáo viên Giáo dục Đặc biệt (GDĐB).

Việc lựa chọn cơ sở thực hành, thực tập cho sinh viên ngành GDĐB có mối liên hệ mật thiết với nhau ở các lĩnh vực như: Thứ nhất, chi phối mối quan hệ giữa cơ sở đào tạo sinh viên và các cơ sở thực hành, thực tập; Thứ hai, làm cơ sở để thiết kế các nội dung, nhiệm vụ, lịch trình, số tiết lý thuyết/ thực hành, huy động các nguồn lực cùng tham gia… phục vụ cho quá trình đào tạo rèn nghề của sinh viên.

Đối với các cơ sở thực hành là các trung tâm giáo dục chuyên biệt thì ngoài công tác chăm sóc giáo dục trẻ khuyết tật; Ứng dụng, thực nghiệm các nghiên cứu khoa học giáo dục, triển khai ứng dụng các phương pháp dạy học tiên tiến hiện đại vào công tác chăm sóc giáo dục trẻ khuyết tật thì công tác phối hợp với các cơ sở đào tạo giáo viên tổ chức hướng dẫn thực hành, thực tập sư phạm và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên của sinh

viên sư phạm ngành GDĐB cũng là một trong những nhiệm vụ quan trọng.

Bài báo đề cập đến kết quả nghiên cứu thực trạng xây dựng mạng lưới cơ sở thực hành, thực tập, hoạt động hướng dẫn cho sinh viên về công tác can thiệp sớm, chăm sóc, giáo dục trẻ khuyết tật trong các cơ sở thực hành thực tập ngành GD ĐB của trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp phù hợp góp phần nâng cao năng lực cũng như chất lượng sinh viên ngành GDĐB, nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, hướng dẫn thực hành, thực tập cho sinh viên đồng thời cũng gián tiếp nâng cao chất lượng can thiệp sớm, chăm sóc và giáo dục trẻ khuyết tật.

2. NỘI DUNG

2.1. Các khái niệm

Thực hành là quá trình vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học vào tình huống cụ thể dưới sự hướng dẫn của giảng viên hoặc người có kinh nghiệm. Thực hành là trực tiếp tham gia vào các hoạt động thực tế để vận dụng những điều đã học, từ đó củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng và phát triển tư duy. Thực hành mang tính hình thành và phát triển các kỹ năng nghề nghiệp cơ bản ở trong từng môn học với sự củng cố, luyện tập thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018) [1].

Thực tập là giai đoạn chuyên sâu hơn của thực hành, trong đó sinh viên được đặt trong môi trường làm việc thực tế để trải nghiệm và học hỏi, là vận dụng tri thức được trang bị trong quá trình đào tạo vào tập làm công việc gắn với nghề nghiệp tương lai trong thực tế. Thực tập mang tính định hướng nghề nghiệp, nội dung và hình thức thực tập đa dạng và hoàn chỉnh hơn so với thực hành. Theo từ điển Tiếng Việt, Thực tập là tập làm trong thực tế để áp dụng những điều đã học, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn (SEAMEO SEN, 2018) [2].

Cơ sở thực hành, thực tập: Cơ sở thực hành, thực tập là những địa điểm có chức năng đào tạo, hỗ trợ sinh viên thực hiện các hoạt động thực hành, thực tập. Các cơ sở này có thể là các trường học, trung tâm can thiệp sớm, hoặc các tổ chức khác có liên quan đến Giáo dục đặc biệt.

Ngành Giáo dục Đặc biệt tập trung vào việc giáo dục và hỗ trợ cho những người học có nhu cầu đặc biệt, bao gồm trẻ em với các dạng khuyết tật khác nhau như rối loạn phát triển, khuyết tật trí tuệ, và khuyết tật về thể chất. Các chương trình đào tạo ngành này nhằm tới việc trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để làm việc hiệu quả trong các môi trường GD ĐB.

Mạng lưới cơ sở thực hành, *thực tập* được hiểu là tập hợp các cơ sở giáo dục và đào tạo, các tổ chức, cơ quan, tổ chức xã hội liên quan, có sự kết nối chặt chẽ nhằm mục đích cung cấp môi trường thực hành, thực tập chất lượng cho sinh viên ngành GD ĐB (Ali, Schur, & Blanck, 2011) [3].

Xây dựng mạng lưới cơ sở thực hành ngành GD ĐB là một quá trình thiết lập và phát triển các mối quan hệ hợp tác giữa các nhà trường và các cơ sở giáo dục trẻ khuyết tật để tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên tham gia thực hiện và thực tập. Mạng lưới hỗ trợ này cung cấp môi trường thực tiễn, giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng, áp dụng kiến thức đã học vào công việc thực tế, đồng thời hỗ trợ các cơ sở có nguồn nhân lực chất lượng (Khoa giáo dục đặc biệt, 2013) [4]. Việc xây dựng mạng lưới này bao gồm việc xác định các cơ sở liên quan, tạo lập các mối quan hệ hợp tác, và xây dựng các cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các bên (Nguyễn Xuân Hải, 2015) [5].

2.2. Thực trạng xây dựng mạng lưới cơ sở thực hành, thực tập ngành Giáo dục Đặc biệt - Ttrường Đại học Thủ đô Hà Nội

2.2.1. Giới thiệu về tổ chức nghiên cứu thực trạng

Mục đích khảo sát: Thực trạng xây dựng mạng lưới cơ sở thực hành thực tập ngành GD

ĐB trường đại học Thủ đô Hà Nội.

Nội dung khảo sát: Khảo sát tầm quan trọng của thực hành thực tập trong đào tạo sinh viên; nhận thức của cán bô quản lý, giáo viên, sinh viên về vai trò, loại hình; tiêu chí xây dựng cơ sở thực hành thực tập và biện pháp xây dựng mạng lưới cơ sở thực hành thực tập ngành GD ĐB trường đại học Thủ đô Hà Nội.

Địa bàn và khách thể khảo sát: Khảo sát 90 sinh viên ngành GDĐB trường đại học Thủ đô Hà Nội; 20 cán bộ quản lý và giáoviên hướng dẫn tại Trung tâm Nghiên cứu và ứng dụng tâm lý giáo dục Đan Hoài; Trung tâm Tham vấn can thiệp sớm Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

2.2.2. Kết quả khảo sát

2.2.2.1. Tầm quan trọng của thực hành, thực tập trong đào tạo sinh viên ngành Giáo dục Đặc biệt

Thực hành và thực tập đóng vai trò thiết yếu trong đào tạo sinh viên ngành Giáo dục Đặc biệt. Tham gia vào các hoạt động thực hành giúp sinh viên áp dụng kiến thức lý thuyết vào thực tế, đồng thời phát triển kỹ năng giao tiếp, quản lý lớp học, và xử lý các tình huống giáo dục đặc thù. Giáo dục trẻ khuyết tật không chỉ là yêu cầu bắt buộc mà còn đòi hỏi sự hỗ trợ thực hành, thực tập từ các cơ sở giáo dục, giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng cần thiết khi làm việc với trẻ em có nhu cầu đặc biệt (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018)[1]. Nghiên cứu của Nguyễn Xuân Hải (2015) cũng nhấn mạnh rằng năng lực nghề nghiệp của giáo viên giáo dục hòa nhập phụ thuộc rất nhiều vào khả năng tiếp cận với môi trường thực tế [5]

Kết quả khảo sát trên 90 sinh viên ngành Giáo dục Đặc biệt tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội: 85% sinh viên nhận thấy quá trình thực hành, thực tập giúp họ tự tin hơn trong giảng dạy và tương tác với trẻ em có nhu cầu đặc biệt. Điều này chứng tỏ vai trò quan trọng của thực hành trong việc phát triển kỹ năng mềm như quản lý cảm xúc và giao tiếp hiệu quả. 71.1% sinh viên khẳng định rằng sự phối hợp giữa lý thuyết và thực hành giúp họ dễ dàng tiếp cận với thực tiễn nghề nghiệp hơn. 61.1% sinh viên đánh giá các cơ sở thực hành đã cung cấp môi trường học tập phù hợp, giúp họ giải quyết các thách thức thực tế trong công việc giảng dạy.

Tìm hiểu về lợi ích đối với sinh viên, quá trình thực hành và thực tập mang lại nhiều lợi ích quan trọng cho sinh viên

Biểu đồ 1: Lợi ích từ việc thực hành, thực tập đối với sinh viên ngành Giáo dục Đặc biệt

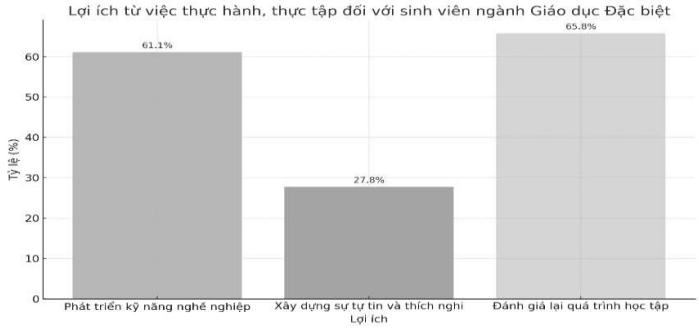

Phát triển kỹ năng nghề nghiệp: Thực hành giúp sinh viên hiểu rõ hơn về những thách thức khi làm việc với trẻ em có nhu cầu đặc biệt, từ đó rèn luyện khả năng ứng phó và đưa ra các giải pháp giáo dục phù hợp. Xây dựng sự tự tin và khả năng thích nghi: 27.8% sinh viên cho biết việc làm việc trực tiếp với giáo viên có kinh nghiệm giúp họ phát triển sự tự

tin khi xử lý các tình huống giáo dục phức tạp. Đánh giá lại quá trình học tập: 65.8% sinh viên cho rằng việc đánh giá hiệu quả thực tập giúp họ nhận ra những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân và từ đó điều chỉnh để cải thiện kỹ năng.

2.2.2.2. Thực trạng vai trò của mạng lưới cơ sở thực hành, thực tập ngành Giáo dục Đặc biệt Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Biểu đồ 2: Đánh giá vai trò của mạng lưới cơ sở thực hành, thực tập

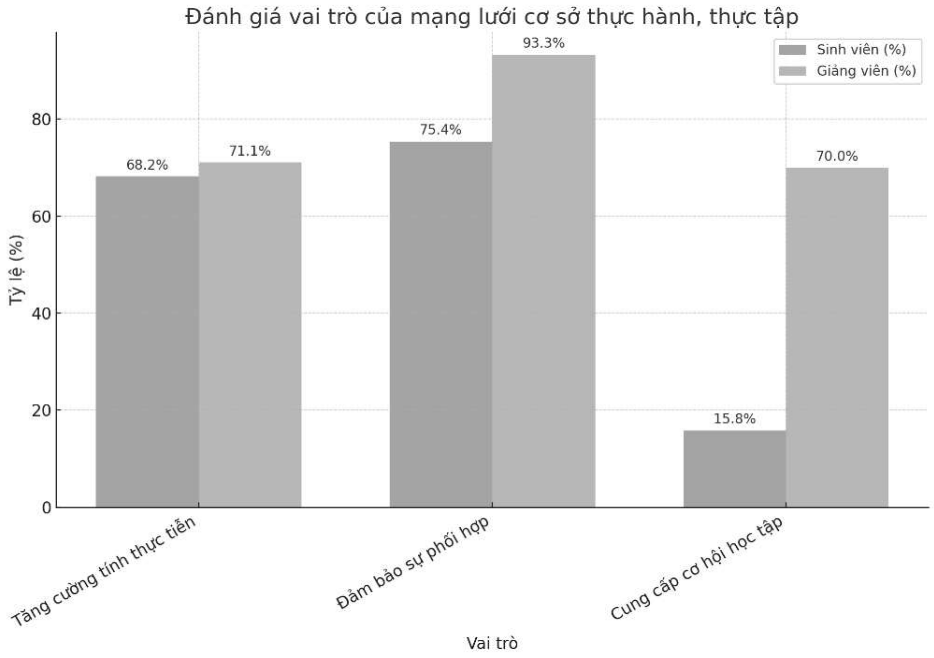

Từ kết quả trên, có thể khẳng định rằng mạng lưới cơ sở thực hành, thực tập đóng vai trò quan trọng trong việc giúp sinh viên tiếp cận với môi trường làm việc thực tế, từ đó phát triển toàn diện các kỹ năng nghề nghiệp. Thực hành, thực tập không chỉ giúp sinh viên tự tin hơn mà còn cung cấp cơ hội để họ học hỏi từ các tình huống thực tế, qua đó hoàn thiện bản thân và chuẩn bị tốt hơn cho sự nghiệp tương lai. Xây dựng mạng lưới cơ sở thực hành, thực tập chất lượng là yếu tố quyết định trong việc đảm bảo chất lượng đào tạo sinh viên ngành Giáo dục Đặc biệt. Mạng lưới này không chỉ cung cấp cho sinh viên môi trường thực hành thực tế mà còn góp phần nâng cao chất lượng hướng dẫn và phát triển kỹ năng chuyên môn cho cả sinh viên và giáo viên.

2.2.2.3. Thực trạng các loại hình cơ sở thực hành, thực tập của ngành Giáo dục Đặc biệt -Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Trên cơ sở trưng cầu ý kiến 20 giáo viên hướng dẫn tại 02 cơ sở thực thành, thực tập và 90 sinh viên ngành Giáo dục Đặc biệt của trường Đại học Thủ đô Hà Nội, kết quả các loại hình thực hành, thực tập phổ biến tại các cơ sở thực hành.

Bảng 1: Các loại hình thực hành thực tập tại các cơ sở ngành Giáo dục Đặc biệt

Loại hình	GVHD Đan Hoài (%)	GVHD Trung tâm CTS (%)	Tổng GVHD (%)	Thứ bậc của GVHD	Tổng SVTT (%)	Thứ bậc của SVTT
Mô hình	80	70	75	1	85	1

liên kết trực tiếp						
Mô hình qua trung gian	60	50	55	2	60	2
Mô hình mạng lưới	40	45	42.5	3	50	3

Từ kết quả trên cho thấy, mô hình liên kết trực tiếp được đánh giá cao nhất bởi cả giáo viên và sinh viên, với 75% giáo viên và 85% sinh viên đồng ý rằng đây là mô hình hiệu quả nhất trong quá trình thực hành. Mô hình này giúp sinh viên tiếp xúc trực tiếp với môi trường thực tiễn, từ đó dễ dàng áp dụng kiến thức lý thuyết vào các tình huống thực tế. 55% giáo viên và 60% sinh viên đồng ý rằng mô hình qua trung gian phù hợp khi các cơ sở thực hành không thể hỗ trợ trực tiếp liên tục. Mặc dù mô hình này mang lại một số lợi ích trong việc duy trì mối liên hệ giữa trường học và cơ sở thực hành, sự thiếu tương tác trực tiếp đã làm giảm hiệu quả thực hành đối với một số sinh viên. Mô hình mạng lưới được đánh giá thấp nhất, với 42.5% giáo viên và 50% sinh viên đồng ý rằng mô hình mạng lưới có tiềm năng trong việc mở rộng quy mô thực hành nhưng lại gặp khó khăn trong việc theo dõi tiến độ và tương tác giữa các cơ sở. Điều này dẫn đến sự thiếu nhất quán trong quá trình học tập của sinh viên.

2.2.2.4. Thực trạng thực hiện tiêu chí xây dựng mạng lưới cơ sở thực hành, thực tập ngành Giáo dục Đặc biệt trường Đai học Thủ đô Hà Nội

Để đánh giá mức độ thực hiện tiêu chí xây dựng mạng lưới cơ sở thực hành, thực tập tại các cơ sở giáo dục, chúng tôi đã tiến hành khảo sát và thu được kết quả như sau:

Bảng 2: Mức độ thực hiện tiêu chí xây dựng mạng lưới cơ sở thực hành, thực tập

Tiêu chí	Mức độ đánh giá	Tỷ lệ (%)
Chất lượng cơ sở thực hành	Cần thiết	50
	Rất cần thiết	30
	Thực sự cần thiết	20
Khả năng phối hợp giữa các cơ sở	Cần thiết	55
	Rất cần thiết	25
	Thực sự cần thiết	20
Đáp ứng nhu cầu đào tạo	Cần thiết	5
	Rất cần thiết	70
	Thực sự cần thiết	25

Với 50% giáo viên đánh giá là "cần thiết," 30% đánh giá là "rất cần thiết," và 20% cho rằng "thực sự cần thiết." Điều này cho thấy phần lớn giáo viên nhận thức được tầm quan trọng của cơ sở vật chất trong quá trình hỗ trợ sinh viên thực hành. Họ mong muốn sinh viên có điều kiện cơ sở vật chất tốt để thực hành các hoạt động thực tiễn. Tuy nhiên, chỉ một phần nhỏ (20%) đánh giá chất lượng cơ sở thực hành là "thực sự cần thiết."

Tiêu chí Khả năng phối hợp giữa các cơ sở thực hành được 55% giáo viên đánh giá là

"cần thiết," 25% đánh giá là "rất cần thiết," và 20% cho rằng "thực sự cần thiết." Đây là một tiêu chí quan trọng mà phần lớn giáo viên đồng thuận, đặc biệt để đảm bảo sự thống nhất trong hướng dẫn và tổ chức thực hành.. 66.7% sinh viên đánh giá khả năng phối hợp giữa các cơ sở là "cần thiết," 25.6% đánh giá là "rất cần thiết," và 7.7% đánh giá là "thực sự cần thiết." Sinh viên có cái nhìn tương tự như giáo viên về tầm quan trọng của khả năng phối hợp, tuy nhiên tỷ lệ đánh giá "thực sự cần thiết" thấp hơn nhiều. Điều này có thể phản ánh rằng sinh viên chưa có nhiều kinh nghiệm trực tiếp trong việc tổ chức và quản lý quá trình thực tập giữa các cơ sở.

Tiêu chí đáp ứng nhu cầu đào tạo được 5% giáo viên đánh giá là "cần thiết," 70% cho rằng "rất cần thiết," và 25% cho rằng "thực sự cần thiết." Đây là tiêu chí được đánh giá cao nhất bởi giáo viên, với 70% giáo viên cho rằng cần có một hệ thống đáp ứng nhu cầu đào tạo để hỗ trợ tốt nhất cho sinh viên.

2.2.2.5. Thực trạng hiệu quả của các biện pháp xây dựng mạng lưới cơ sở thực hành, thực tập ngành Giáo dục Đặc biệt Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Dựa trên khảo sát của 20 giáo viên hướng dẫn (GVHD) và 90 sinh viên thực tập (SVTT), các biện pháp được đánh giá về hiệu quả như sau:

Bảng 3: Thực trạng hiệu quả của các biện pháp xây dựng mạng lưới cơ sở thực hành, thực tập ngành Giáo dục Đặc biệt

Biện pháp	GVHD (%)	SVTT (%)	Trung bình (%)	Thứ bậc (GV)	Thứ bậc (SV)
Xác định đối tượng chiến lược	85	80	82.5	2	4
Ký kết đồng thuận hợp tác	75	70	72.5	4	5
Thiết kế chương trình cụ thể	90	88	89	1	2
Tạo điều kiện kết nối giữa các liên kết	88	85	86.5	3	3
Phát triển cơ sở vật chất và hỗ trợ nguồn lực	65	62	63.5	6	7
Tăng cường giám sát và phản hồi liên tục	70	75	72.5	5	6
Tổ chức hội thảo và chương trình đào tạo nâng cao	60	78	69	7	8
Tăng cường quan hệ hợp tác với cộng đồng	50	55	52.5	9	9
Tạo cơ chế phản hồi và cải thiện liên tục	70	72	71	5	7
Hỗ trợ phát triển nghiệp vụ cho sinh viên	60	68	64	8	8

Dựa trên kết quả khảo sát chúng ta thấy Biện pháp thiết kế chương trình cụ thể được đánh giá cao nhất bởi cả GVHD và SVTT, cho thấy tầm quan trọng của việc có kế hoạch chi tiết để sinh viên thực hiện các nhiệm vụ thực hành. Phát triển cơ sở vật chất và hợp tác với cộng đồng là những yếu tố cần cải thiện, vì các cơ sở thực hành hiện tại chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu về vật chất và mối quan hệ hợp tác với cộng đồng còn hạn chế. Tăng cường

giám sát và phản hồi liên tục cũng là biện pháp cần được chú trọng hơn để đảm bảo rằng sinh viên nhận được sự hỗ trợ kịp thời trong quá trình thực tập.

2.2.2.6. Đánh giá kết quả xây dựng mạng lưới cơ sở thực hành, thực tập ngành Giáo dục Đặc biệt Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Kết quả đánh giá kết quả xây dựng mạng lưới cơ sở thực hành, thực tập ngành Giáo dục Đặc biệt Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn các giáo viên hướng dẫn và sinh viên tham gia thực hành, thực tập tại các cơ sở, kết quả được chia sẻ ở các tiêu chí như sau:

15 giáo viên hướng dẫn chiếm 78.9% cho rằng chất lượng thực hành tại các cơ sở đã giúp sinh viên cải thiện kỹ năng một cách đáng kể. Điều này thể hiện sự tiến bộ trong việc kết hợp lý thuyết và thực tiễn, cho phép sinh viên áp dụng kiến thức lý thuyết vào thực tế hiệu quả hơn.

Khi được hỏi về điều này, sinh viên chia sẻ rằng, môi trường thực hành đã giúp họ tự tin hơn khi xử lý các tình huống thực tế và đánh giá cao sự hướng dẫn tận tình từ giáo viên. Sự tham gia thực tế vào môi trường GDĐB đã giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghề nghiệp quan trọng.

Với 13 giáo viên, chiếm 68.4%, đánh giá sự phối hợp giữa các cơ sở thực hành và nhà trường là khá hiệu quả. Tuy nhiên, một số ý kiến cho rằng cần cải thiện thêm các cơ chế phối hợp, đặc biệt trong việc hỗ trợ sinh viên. Điều này cũng thể hiện trên kết quả của sinh viên khi được trao đổi với nhóm tác giả. Đặc biệt, giảng viên nhấn mạnh rằng sự tương tác giữa giáo viên hướng dẫn, giảng viên, và sinh viên là rất quan trọng. Cần nâng cao sự phối hợp giữa các bên để đảm bảo quá trình thực tập diễn ra trơn tru hơn, thống nhất được giữa lý thuyết, thực hành và định hướng rèn luyện các em sẽ hiệu quả hơn.

Với tiêu chí, về sự đáp ứng nhu cầu của cơ sở thực hành, thực tập thì

17/ 20 giáo viên, 89.5% ý kiến được khảo sát đều đánh giá rằng các cơ sở thực hành hiện tại đã đáp ứng tốt nhu cầu thực tập của sinh viên. Tuy nhiên, sinh viên cũng mong muốn có cơ hội trải nghiệm thêm tại các cơ sở với môi trường và điều kiện khác nhau để mở rộng kỹ năng. Các em cho rằng, việc đa dạng các môi trường và ở các cấp học khác nhau có trẻ học hòa nhập và chuyên biệt sẽ giúp các em được trải nghiệm nhiều hơn và dễ dàng thích ứng khi ra trường.

Tuy nhiên, theo đánh giá trên cơ sở các yêu cầu của ngành, hiện tạicác cơ sở thực hành hiện đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ngành Giáo dục Đặc biệt, về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên hướng dẫn và quản lý chuyên môn tại các cơ sở Tuy nhiên, do sự phát triển liên tục của ngành, cần có sự cải tiến trong chất lượng cơ sở vật chất và cung cấp thêm các công cụ hỗ trợ sinh viên học tập chuyên sâu.

Quá trình thực hành, thực tập của sinh viên ngành Giáo dục Đặc biệt tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố quan trọng, từ sự phối hợp giữa nhà trường và cơ sở thực hành, chất lượng đội ngũ giảng viên, đến sự hỗ trợ tài chính và cơ sở vật chất. Ngoài ra, mục đích, nội dung và hình thức của các đợt thực tập cũng đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng đào tạo

2.3. Đề xuất biện pháp xây dựng mạng lưới cơ sở thực hành, thực tập ngành Giáo dục Đặc biệt trường Đại học Thủ đô Hà Nội

2.3.1. Tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường với cơ sở thực hành

Nâng cao sự hợp tác chặt chẽ giữa các cơ sở thực hành và nhà trường để đảm bảo chất lượng đào tạo.

Xây dựng một cơ chế phối hợp rõ ràng, quy định cụ thể trách nhiệm và vai trò của mỗi bên trong quá trình giảng dạy và thực hành. Kết nối chặt chẽ để sinh viên có cơ hội học hỏi và thực hành trong một môi trường chuyên nghiệp.

Nhà trường cần xây dựng kế hoạch phối hợp từ đầu năm học, tổ chức các cuộc họp định kỳ với các cơ sở thực hành để trao đổi thông tin, đánh giá kết quả thực hiện và điều chỉnh các vấn đề phát sinh. Bên cạnh đó, cần tăng cường đào tạo, tập huấn cho giảng viên và giáo viên hướng dẫn tại các cơ sở thực hành để nâng cao chất lượng giảng dạy và hỗ trợ sinh viên. Cần có sự phối hợp chặt chẽ từ cả nhà trường và các cơ sở thực hành, đảm bảo nguồn lực tài chính, nhân lực và cơ sở vật chất để thực hiện biện pháp. Bên cạnh đó, việc đánh giá, giám sát thường xuyên sẽ giúp điều chỉnh các hoạt động phối hợp, đảm bảo hiệu quả lâu dài.

2.3.2. Cải thiện cơ sở vật chất tại các cơ sở thực hành

Đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất đầy đủ, hiện đại và phù hợp để sinh viên có thể thực hành, thực tập hiệu quả trong môi trường Giáo dục Đặc biệt.

Cải thiện cơ sở vật chất thông qua việc đánh giá và bổ sung trang thiết bị, tài liệu giảng dạy cần thiết cho ngành Giáo dục Đặc biệt. Việc này bao gồm nâng cấp các phòng thực hành, mua sắm thiết bị hỗ trợ học sinh khuyết tật, và duy trì các công cụ giảng dạy hiện đại. Đầu tiên, tiến hành khảo sát hiện trạng cơ sở vật chất để xác định nhu cầu cải tạo, sau đó lập kế hoạch đầu tư và triển khai nâng cấp, mua sắm thiết bị. Cuối cùng, duy trì cơ sở vật chất thông qua bảo trì định kỳ và kiểm tra hiệu quả sử dụng.

Cần có nguồn lực tài chính từ các quỹ hỗ trợ hoặc ngân sách của nhà trường, sự hợp tác của các cơ sở thực hành và sự tham gia của đội ngũ giảng viên, nhân viên quản lý trong quá trình triển khai và duy trì cơ sở vật chất.

2.3.3. Tăng cường sự hướng dẫn và hỗ trợ cho sinh viên

Đảm bảo sinh viên có thể áp dụng kiến thức lý thuyết vào thực tế một cách hiệu quả và tự tin trong môi trường thực tập, đồng thời phát triển các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết.

Cung cấp các buổi hướng dẫn chi tiết, đào tạo thêm về các kỹ năng cần thiết trong thực hành, thực tập và hỗ trợ sinh viên trong suốt quá trình này. Các giảng viên và giáo viên hướng dẫn cần chủ động theo dõi, đánh giá và cung cấp phản hồi cụ thể cho sinh viên.

Tổ chức các buổi định kỳ hướng dẫn trước và trong quá trình thực tập. Đảm bảo sinh viên có cơ hội trao đổi trực tiếp với giảng viên, giáo viên hướng dẫn để giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hành. Cần sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, giảng viên và các cơ sở thực hành. Đồng thời, cần đảm bảo tài nguyên hỗ trợ như tài liệu hướng dẫn, không gian học tập và thời gian hỗ trợ cho sinh viên.

2.3.4. Đa dạng hóa các mô hình thực hành, thực tập

Mở rộng phạm vi thực tập, giúp sinh viên có cơ hội tiếp cận với nhiều đối tượng và môi trường thực hành khác nhau, từ đó phát triển đa dạng kỹ năng và tăng cường khả năng thích nghi với các tình huống thực tế trong ngành Giáo dục Đặc biệt.

Tạo ra các mô hình thực hành, thực tập phong phú, bao gồm các cơ sở giáo dục đặc biệt, các tổ chức phi chính phủ, các dự án cộng đồng và môi trường giáo dục ngoài trường học. Cần xây dựng kế hoạch cụ thể để sinh viên có thể trải nghiệm các mô hình thực hành này một cách hiệu quả.

Xây dựng chương trình thực tập linh hoạt, kết hợp giữa học lý thuyết và thực hành tại nhiều cơ sở giáo dục khác nhau. Đảm bảo rằng các cơ sở thực hành có thể đáp ứng được yêu cầu về chất lượng và hỗ trợ sinh viên trong việc phát triển các kỹ năng thực tiễn. Cần có sự hợp tác chặt chẽ giữa nhà trường và các cơ sở thực hành để triển khai các mô hình này. Cần có sự phối hợp giữa các cơ sở giáo dục đặc biệt và các tổ chức liên quan để tạo ra

các cơ hội thực tập đa dạng. Đồng thời, nhà trường phải đảm bảo đủ nguồn lực về giảng viên, giáo viên hướng dẫn và các phương tiện hỗ trợ để sinh viên có thể tiếp cận với các mô hình thực hành hiệu quả.

2.3.5. Mở rộng mạng lưới cơ sở thực hành, thực tập

Tăng cường cơ hội thực hành, thực tập cho sinh viên, giúp họ có nhiều lựa chọn hơn trong việc trải nghiệm các môi trường giáo dục khác nhau, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nghề nghiệp của sinh viên ngành Giáo dục Đặc biệt.

Mở rộng mạng lưới hợp tác giữa trường Đại học Thủ đô Hà Nội và các cơ sở giáo dục đặc biệt trong và ngoài khu vực Hà Nội, bao gồm các trường học, trung tâm, bệnh viện, tổ chức xã hội và các cơ sở giáo dục ngoài công lập. Cần phát triển một hệ thống cơ sở thực hành đồng bộ, chất lượng, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên có thể thực tập ở nhiều loại hình và môi trường khác nhau.

Xây dựng các chương trình hợp tác với các cơ sở thực hành, thực tập, ký kết các thỏa thuận hợp tác lâu dài, tổ chức các buổi gặp mặt, trao đổi giữa nhà trường và các cơ sở để thống nhất nhu cầu, yêu cầu của quá trình thực tập. Đảm bảo rằng sinh viên sẽ được giới thiệu và tham gia thực tập tại các cơ sở phù hợp với chuyên ngành và sở thích cá nhân.

Cần có sự hỗ trợ và cam kết từ các cơ sở giáo dục đặc biệt trong việc tạo ra môi trường thực tập chất lượng cho sinh viên. Nhà trường phải có đội ngũ giảng viên và cán bộ hướng dẫn đủ năng lực để phối hợp, giám sát quá trình thực tập tại các cơ sở này. Cần có các chính sách tài chính hỗ trợ, đặc biệt cho sinh viên thực tập tại các cơ sở ngoài khu vực trường.

2.3.6. Nâng cao năng lực giảng viên và giáo viên hướng dẫn

Đảm bảo giảng viên và giáo viên hướng dẫn có đủ năng lực và kiến thức để hỗ trợ sinh viên trong quá trình thực tập, thực hành, qua đó nâng cao chất lượng đào tạo.

Tổ chức các khóa bồi dưỡng chuyên môn định kỳ, bao gồm các kỹ năng giảng dạy, phương pháp thực hành, và cách đánh giá sinh viên trong quá trình thực tập. Các khóa học nên có sự tham gia của các chuyên gia trong ngành.

Xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giảng viên, tổ chức các hội thảo, khóa học bồi dưỡng phù hợp. Cần mời các chuyên gia trong và ngoài ngành để giảng dạy và chia sẻ kinh nghiệm. Sau mỗi khóa học, đánh giá hiệu quả đào tạo qua phản hồi từ giảng viên và sinh viên.

Cần có ngân sách cho các khóa đào tạo, đảm bảo thời gian cho giảng viên tham gia mà không ảnh hưởng đến lịch giảng dạy chính thức. Các đơn vị liên quan cần phối hợp chặt chẽ để thực hiện các hoạt động bồi dưỡng hiệu quả.

2.3.7. Xây dựng quỹ hỗ trợ cho quá trình thực tập

Giảm bớt gánh nặng tài chính cho sinh viên khi thực tập ở các cơ sở xa trường, giúp sinh viên có điều kiện tốt hơn để tham gia vào quá trình thực tập thực tế.

Xây dựng quỹ hỗ trợ tài chính dành cho sinh viên gặp khó khăn về chi phí khi thực tập tại các cơ sở ngoài trường. Quỹ có thể bao gồm hỗ trợ tiền đi lại, ăn ở hoặc các chi phí phát sinh khác trong quá trình thực tập.

Thành lập quỹ từ nguồn ngân sách của trường hoặc từ các nhà tài trợ, tổ chức đối tác. Quá trình phân bổ quỹ cần rõ ràng, minh bạch, đảm bảo công bằng và hợp lý cho sinh viên. Các sinh viên có nhu cầu có thể nộp hồ sơ xin hỗ trợ và nhận xét từ các giảng viên hướng dẫn.

Cần sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, các cơ sở thực hành và các đối tác tài trợ để duy trì quỹ. Cần có quy trình rõ ràng về việc xét duyệt và phân bổ hỗ trợ tài chính cho sinh viên.

2.3.8. Chính sách khen thưởng và công nhận các cơ sở thực hành

Tạo động lực và duy trì sự hợp tác lâu dài với các cơ sở thực hành, khuyến khích các cơ sở thực hành nâng cao chất lượng đào tạo và hỗ trợ sinh viên.

Xây dựng các chính sách khen thưởng cho các cơ sở thực hành đạt thành tích xuất sắc trong việc hỗ trợ sinh viên thực tập, như chứng nhận, giải thưởng hoặc các hình thức công nhận khác. Đồng thời, xây dựng các tiêu chí cụ thể để đánh giá và công nhận các cơ sở thực hành.

Nhà trường phối hợp với các cơ sở thực hành để xác định các tiêu chí và hình thức khen thưởng, công nhận. Các cơ sở thực hành sẽ được đánh giá định kỳ dựa trên chất lượng hỗ trợ sinh viên và kết quả thực tập. Sau đó, nhà trường sẽ công bố các cơ sở thực hành được công nhận và khen thưởng.

Cần sự đồng thuận và hợp tác của các cơ sở thực hành, sự minh bạch trong quy trình đánh giá và khen thưởng. Ngoài ra, cần có ngân sách và nguồn lực để tổ chức các hoạt động khen thưởng.

2.3.9. Đảm bảo sự rõ ràng về mục đích, nội dung và hình thức thực tập

Giúp sinh viên nắm rõ các kỹ năng và kiến thức cần phát triển trong suốt quá trình thực tập, tạo nền tảng vững chắc để họ có thể áp dụng lý thuyết vào thực tiễn.

Xây dựng một kế hoạch thực tập chi tiết, rõ ràng, xác định mục tiêu cụ thể, nội dung công việc và phương thức thực hiện cho từng giai đoạn thực tập. Nhà trường và các cơ sở thực hành cần thống nhất về các yêu cầu và kỳ vọng đối với sinh viên, đảm bảo rằng sinh viên hiểu được mục đích của từng hoạt động thực tập.

Nhà trường phối hợp với các cơ sở thực hành tổ chức các buổi phổ biến, định hướng cho sinh viên về mục đích, nội dung và hình thức thực tập trước khi bắt đầu. Bản kế hoạch chi tiết sẽ được chia sẻ với sinh viên từ đầu kỳ thực tập để đảm bảo sự minh bạch và rõ ràng.

Cần có sự hợp tác chặt chẽ giữa nhà trường và các cơ sở thực hành, nguồn lực và thời gian dành cho việc tổ chức các buổi định hướng, cũng như việc xây dựng tài liệu hướng dẫn thực tập rõ ràng cho sinh viên.

2.3.10. Nâng cấp cơ sở vật chất tại các cơ sở thực hành

Đảm bảo các cơ sở thực hành có đầy đủ trang thiết bị và môi trường vật chất phù hợp để sinh viên thực hiện các hoạt động thực hành chuyên môn, từ đó nâng cao chất lượng thực tập và áp dụng kiến thức vào thực tiễn.

Cần tiến hành kiểm tra, đánh giá cơ sở vật chất hiện tại tại các cơ sở thực hành, từ đó xác định các thiếu sót và nhu cầu nâng cấp. Các cơ sở cần được trang bị các thiết bị hiện đại, phù hợp với các yêu cầu chuyên môn của ngành Giáo dục Đặc biệt, đặc biệt là các công cụ hỗ trợ học sinh khuyết tật.

Nhà trường phối hợp với các cơ sở thực hành lên kế hoạch nâng cấp cơ sở vật chất, từ việc đầu tư vào trang thiết bị đến cải tạo không gian học tập và thực hành. Kế hoạch nâng cấp cần được thực hiện theo từng giai đoạn, ưu tiên các thiết bị và công cụ quan trọng nhất trước.

Cần có sự đầu tư tài chính từ nhà trường, các đối tác, và các tổ chức hỗ trợ. Ngoài ra, cần có sự phối hợp giữa các giảng viên, chuyên gia về cơ sở vật chất, và các cơ sở thực hành để đảm bảo công tác nâng cấp diễn ra hiệu quả.

Những biện pháp trên sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên ngành Giáo dục Đặc biệt, đáp ứng tốt nhu cầu ngày càng cao của xã hội đối với giáo dục và chăm sóc trẻ em có nhu cầu đặc biệt.

3. KẾT LUẬN

Việc xây dựng và phát triển mạng lưới cơ sở thực hành, thực tập là yếu tố thiết yếu để đảm bảo chất lượng đào tạo cho sinh viên ngành GDĐB tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Mặc dù nhà trường đã triển khai nhiều giải pháp nhằm hỗ trợ sinh viên trong quá trình thực tập, nhưng vẫn còn nhiều thách thức như sự phối hợp chưa chặt chẽ giữa nhà trường và các cơ sở, năng lực của đội ngũ giáo viên hướng dẫn, và sự hạn chế về cơ sở vật chất.

Thời gian thực tập hạn chế và nội dung thiếu đồng nhất cũng làm giảm hiệu quả đào tạo.

Kết quả phân tích cho thấy rằng mạng lưới cơ sở thực hành, thực tập cần được mở rộng và cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên tốt hơn. Đồng thời, các chính sách hỗ trợ và khen thưởng cho các cơ sở thực hành cần được chú trọng để tạo động lực và khuyến khích sự hợp tác bền vững. Các biện pháp đề xuất trên sẽ góp phần nâng cao chất lượng hướng dẫn thực hành thực tập tại các cơ sở; tạo mối quan hệ gắn kết giữa các cơ sở thực hành thực tập với trường đại học Thủ đô Hà Nội và giữa các cơ sở thực hành thực tập với nhau cùng mục tiêu chung là nâng cao năng lực; đạo đức nghề nghiệp, đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao cho đội ngũ nhân lực ngành GDĐB đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật*, Thông tư 03/2018.
2. SEAMEO SEN (2018), *"Báo cáo quốc gia về giáo dục đặc biệt của 10 nước khu vực Đông Nam Á"*, Hội đồng Bộ trưởng Đông Nam Á, Tp. Hồ Chí Minh.
3. Ali, M., Schur, L., & Blanck, P. (2011), What types of jobs do people with disabilities want? Journal of Occupational Rehabilitation, 21(2), 199-210. doi:http://dx.doi.org/10.1007/s10926-010-9266-0.
4. Khoa Giáo dục Đặc biệt, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương (2013), *"Tổ chức thực hành thực tập sinh viên khóa đào tạo song ngành giáo dục mầm non – Giáo dục Đặc biệt"*, Kỷ yếu hội thảo khoa học.
5. Nguyễn Xuân Hải (2015), *Nghiên cứu năng lực nghề nghiệp trong giáo dục hòa nhập của đội ngũ giáo viên phổ thông*, Tạp chí Khoa học, Đại học Sư phạm Hà Nội.

THE CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS FOR DEVELOPING THE NETWORK OF PRACTICE AND INTERNSHIP CENTERS FOR SPECIAL EDUCATION AT HANOI METROPOLITAN UNIVERSITY

***Abstract**: The article discusses the role, significance, and necessity of practice and internship networks based on an assessment of the current situation and proposes solutions to build a network of practice and internship facilities aimed at improving the quality of student training in the field of Special Education at Hanoi Metropolitan University. By analyzing existing challenges, such as the lack of close collaboration between the university and practice facilities, insufficient infrastructure, financial support, and the limited capacity of teachers at practice facilities to guide internships, the article proposes solutions to address these difficulties. These solutions include expanding the network of practice facilities, enhancing the capacity of guiding teachers, and improving the infrastructure for practice and internships. These measures aim to build a sustainable system of practice and internship facilities, contributing to enhancing the quality of Special Education training at Hanoi Metropolitan University*

***Keywords**: Student training; solutions for quality improvement; Special Education; Network of practice and internship facilities; Hanoi Metropolitan University.*